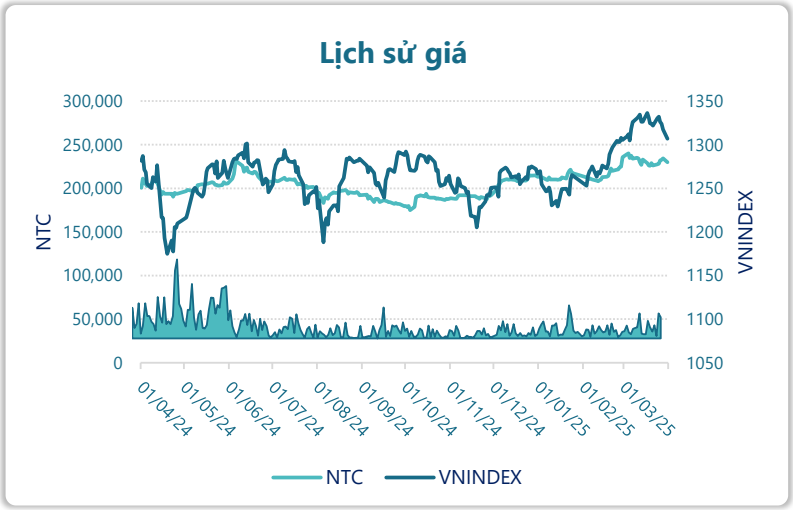
FireAnt

CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (UPCOM: NTC)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**230,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	240,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	174,912
SL cổ phiếu LH	23,999,980
KLGD BQ 20 phiên (CP)	34,775
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,520
P/E	17.2
EPS	13,350

DT thuần

Q1/25

134

tỷ VNĐ

QoQ: ▼59.0| -30.5%

YoY: ▲ 77.3| 137%

LN sau thuế

Q1/25

69.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼53.0| -43.4%

YoY: ▲ 3.80| 5.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

95.1%

+/- YoY: ▼ 55.9%

DT thuần

2024

368

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 133| 56.4%

LN sau thuế

2024

293

tỷ VNĐ

YoY: ▼7.00| -2.3%

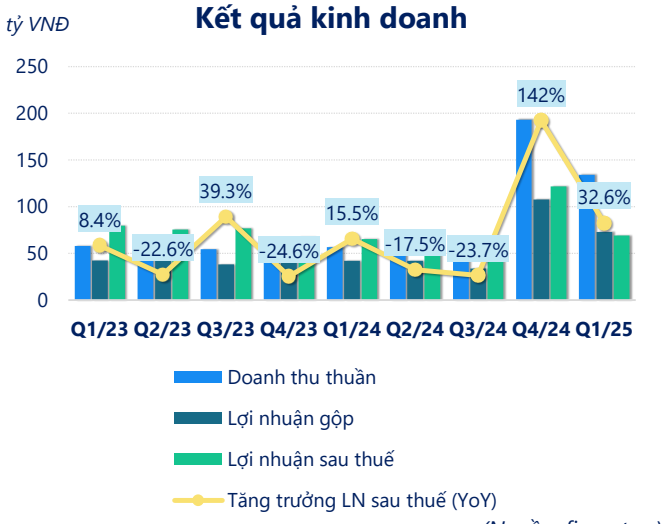
ROE

2024

28.3%

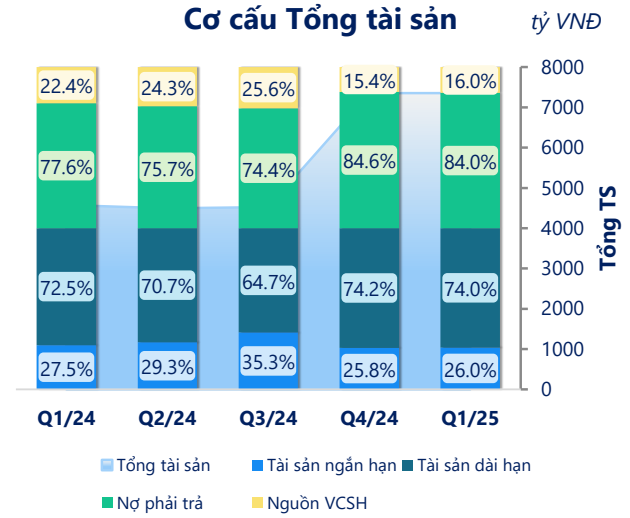
+/- YoY: ▼ 7.5%

Kết quả kinh doanh



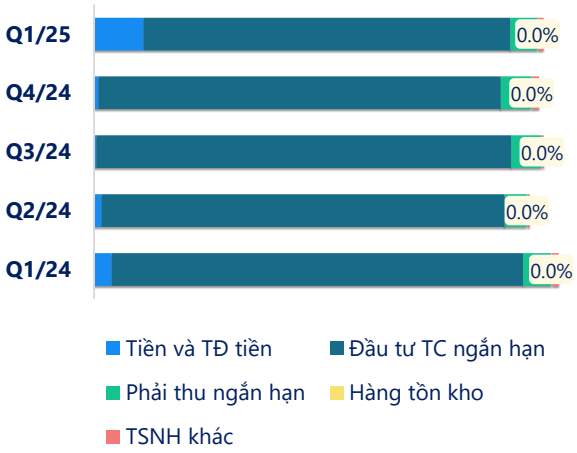
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



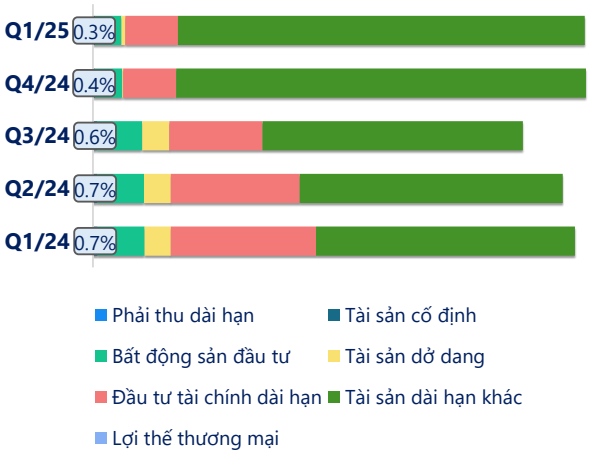
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



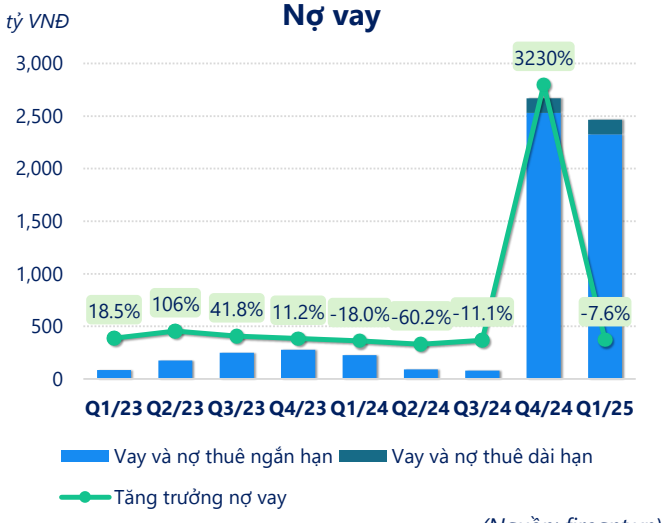
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



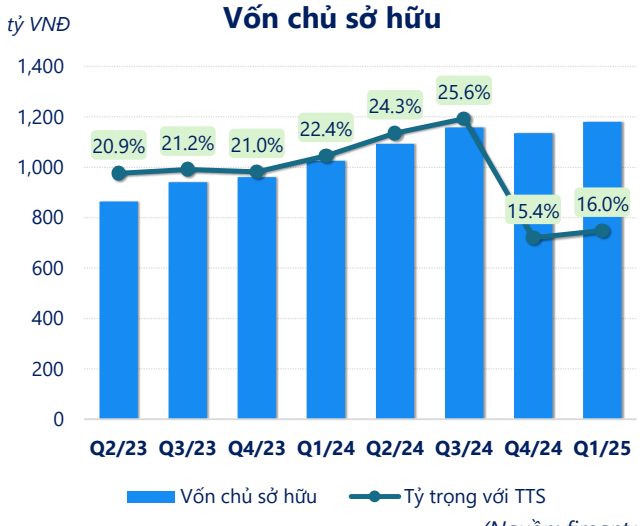
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



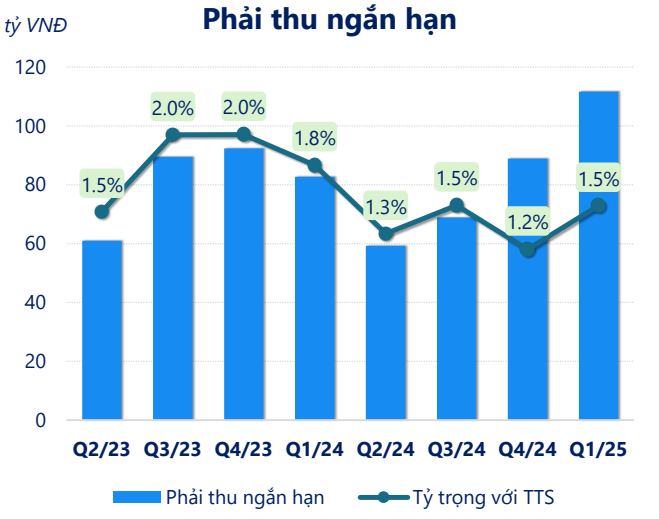
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



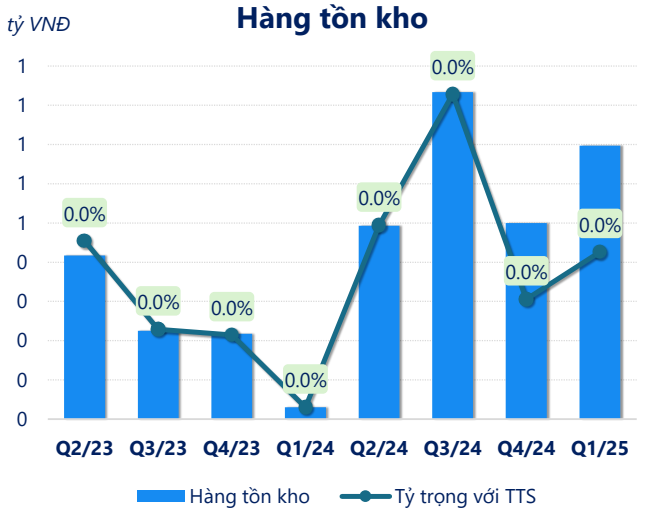
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



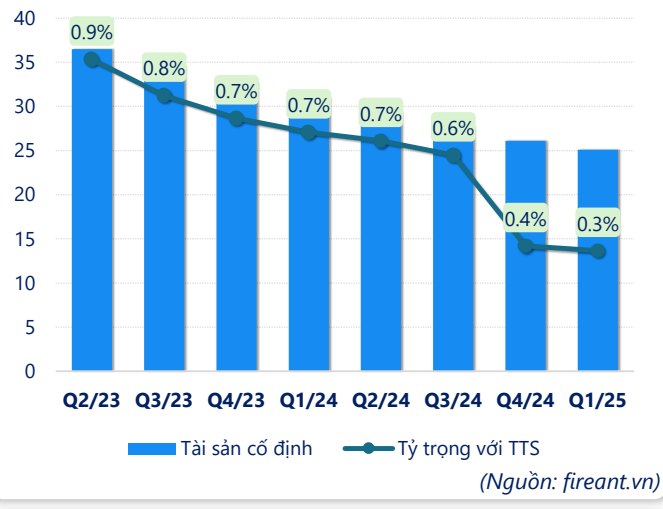
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



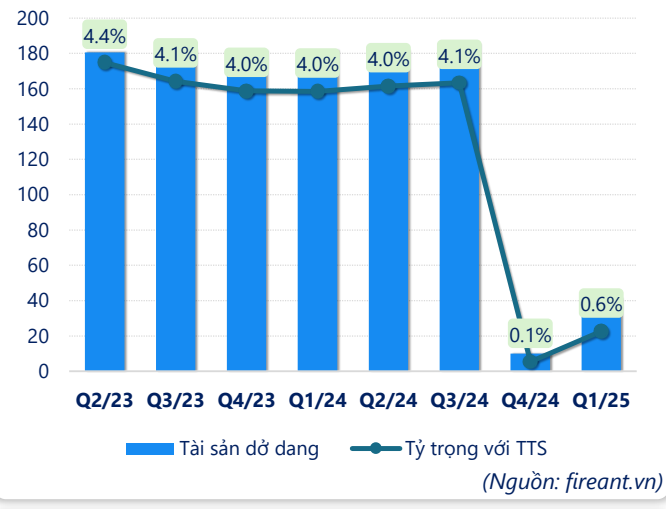
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



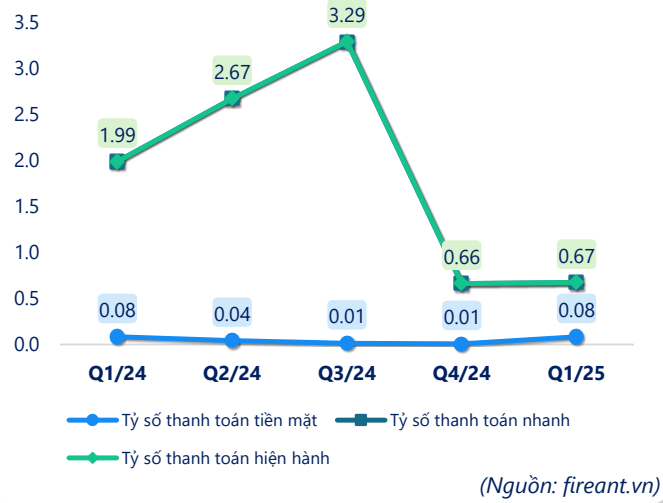
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



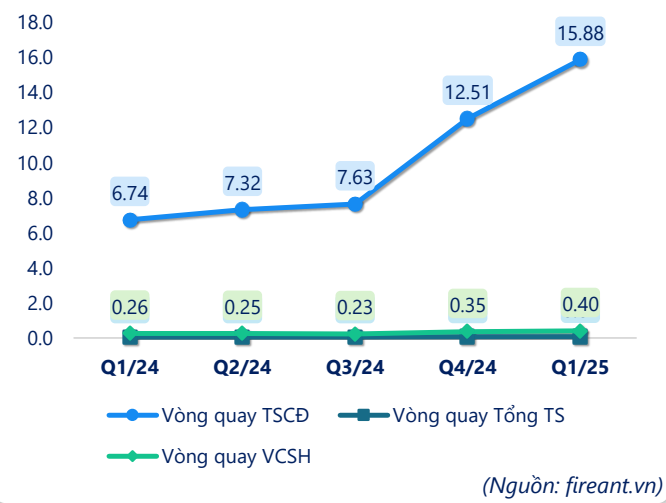
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**4,578**	**4,493**	**4,528**	**7,353**	**7,353**
Tài sản ngắn hạn	**1,259**	**1,318**	**1,598**	**1,898**	**1,914**
Tiền và tương đương tiền	52.6	21.4	6.52	20.2	238
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,106	1,217	1,512	1,779	1,542
Phải thu ngắn hạn	82.7	59.3	68.9	88.9	112
Hàng tồn kho	0.03	0.49	0.83	0.50	0.70
Tài sản ngắn hạn khác	18.0	19.6	9.91	9.59	22.0
Tài sản dài hạn	**3,319**	**3,175**	**2,929**	**5,455**	**5,439**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	31.0	29.3	27.7	26.1	25.1
Bất động sản đầu tư	325	316	308	300	291
Tài sản dở dang	181	181	185	9.94	41.5
Đầu tư tài chính dài hạn	1,001	870	635	583	583
Tài sản dài hạn khác	1,782	1,778	1,774	4,536	4,498
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,553**	**3,400**	**3,371**	**6,218**	**6,173**
Nợ ngắn hạn	**633**	**493**	**486**	**2,866**	**2,843**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	226	90.1	80.1	2,530	2,327
Phải trả người bán ngắn hạn	0.65	2.04	0.77	2.64	0.73
Nợ dài hạn	2,920	2,907	2,885	3,352	3,330
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	138	138
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,026**	**1,093**	**1,157**	**1,135**	**1,180**
Vốn chủ sở hữu	**1,026**	**1,093**	**1,157**	**1,135**	**1,180**
Vốn điều lệ	240	240	240	240	240
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)